TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 6 – 2023
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXX - ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Thúy N**, sinh năm: 1987 (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Lăng, xã Thanh Bình, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện tại: ấp Chính, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Lăng, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Chị và anh T hôn nhân hình thành là do mai mối, có tổ chức đám cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm ngày 03/6/2010. Sau ngày cưới chị sống bên gia đình anh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chung thủy bị chị phát hiện từ đó vợ chồng hay cự cải dẫn đến tình cảm phai nhạt. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Trần Lê Bảo C, sinh ngày 07/4/2013 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn cháu Châu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bảng khai ý kiến ngày 27/4/2023 cháu Trần Lê Bảo Châu trình bày: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với chị N.

- Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn anh T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ

hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị N và anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N anh T có nhiều mâu thuẫn như: Theo lời chị N trình bày anh T có người phụ nữ khác bị chị N phát hiện nên vợ chồng thường hay cự cãi, dẫn đến tình cảm dần phai nhạt, hai người đã ly thân từ năm 2022 đến nay thời gian đã khá lâu làm phai nhạt tình cảm, từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh T cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Chị N xác định chị và anh T có 01 con chung tên Trần Lê Bảo Châu, sinh ngày 07/4/2013. Hiện nay đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Châu sống với chị N từ nhỏ cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường, cháu Châu cũng có nguyện vọng sống với chị N. Nên giao cháu Châu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh T vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn. Anh T không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Bảo C, sinh ngày 07/4/2013 cho chị Lê Thị Thúy N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Thúy N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

+ Chị Lê Thị Thúy N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009248, ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị Thúy N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường